

Bản án số: 84/2018/DS-PT

Ngày: 27/4/2018.

V/v "T/c hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN NHÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Triều

Các Thẩm phán: Bà Ngô Thị Minh Trang

Ông Nguyễn Thành Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diệp

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân: Bà Trần Thị Lành - Kiểm sát viên

tham gia phiên tòa.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2018/TLPT-DS ngày 19 tháng 3 năm 2018 về việc "**Tranh chấp hợp đồng vay tài sản**".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2017/DS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa ra vụ án xét xử số: 67/2018/QĐ-PT, ngày 10 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị G**, sinh năm 1963 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Bà **Phạm Yến N**, sinh năm 1961 (Có mặt);

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Đương Văn T**, sinh năm 1964 (Có mặt);

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- Người kháng cáo: Bà Phạm Yến N kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phạm Thị G trình bày: Vào ngày 18/9/2015 âm lịch, bà Phạm Yến N có hỏi mượn bà G số tiền 30.000.000 đồng, do quen biết nên bà G đồng ý cho bà N mượn, thời gian mượn là một tháng sẽ hoàn trả lại nên bà G không tính lãi suất. Nhưng khi tới thời gian trả nợ thì bà N không trả, sau đó bà N có thỏa thuận với bà G và nhờ bà G vay ở đâu rồi bà N sẽ trả lãi. Nên vào ngày 05/11/2015 bà G đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà thế chấp tại tiệm vàng Kim Nga để vay số tiền 60.000.000 đồng, trong đó bà G giữ 30.000.000 đồng. Hai bên có lập lại hợp đồng cho vay tiền ngày 29/11/2015 âm lịch để tính lãi suất theo tiệm vàng Kim Nga.

Tuy nhiên, từ ngày 29/11/2015 âm lịch đến nay bà N chỉ đóng lãi được 1.000.000 đồng vào ngày 18/02/2016 âm lịch và từ đó đến nay bà N không trả lãi cũng không trả tiền gốc cho bà. Đến ngày 16/01/2017 bà G chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với số tiền gốc là 60.000.000 đồng và tiền lãi là 33.600.000 đồng. Trong số tiền này bà N phải đóng lãi cho bà G là 16.800.000 đồng và tiền gốc là 30.000.000 đồng, tổng số tiền là 46.800.000 đồng. Bà G nhiều lần yêu cầu bà N trả lại số tiền này nhưng bà N cứ hứa hẹn và cố tình né tránh không chịu trả.

Nay bà G yêu cầu bà N phải trả số tiền vay là 30.000.000 đồng và lãi suất là 16.800.000 đồng, tổng cộng là 46.800.000 đồng.

Bị đơn bà Phạm Yến N trình bày: Vào năm 2015 bà N không nhớ chính xác thời gian nào thì bà có hỏi vay của bà G nhiều lần, mỗi lần khoảng 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng, khi đó bà trả lãi cho bà G theo ngày. Do mượn nhiều lần nên bà N và bà G đã tính tổng số tiền bà N mượn bà G là 8.500.000 đồng, không có làm biên nhận hay giấy tờ gì và bà G có yêu cầu bà trả lãi 150.000 đồng/02 ngày, bà đồng ý đóng lãi cho đến khi nào trả hết tiền vốn. Bà đã trả lãi cho bà G được hơn một năm thì bà không có khả năng trả lãi theo thỏa thuận nữa nên bà xin trả tiền gốc cho bà G và không tính lãi nữa, bà sẽ trả bà G mỗi tháng 1.000.000 đồng, bà G đồng ý. Từ ngày thỏa thuận trả tiền gốc cho đến nay thì bà đã trả cho bà G tổng cộng 3.500.000 đồng (trong đó 02 tháng đầu bà trả mỗi tháng 1.000.000 đồng và 03 tháng tiếp theo mỗi tháng trả 500.000 đồng), hiện tại bà chỉ còn nợ bà G 5.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà G và cũng không thừa nhận chữ ký trong hợp đồng cho vay tiền ngày 29/11/2015 âm lịch là của bà. Nay bà đồng ý trả cho bà G 5.000.000 đồng mà bà còn nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn T trình bày:
Việc vay tiền giữa vợ ông là bà Phạm Yến N và bà Phạm Thị G cụ thể như thế nào thì ông không biết. Bà N đã đóng tiền lãi nhiều lần cho bà G nhưng bà G đã nhập lãi thành gốc và tính tiền lên cho bà N. Do bà G cho vay nặng lãi nên số tiền này là có phần tiền lãi nên ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà G.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 47/2017/DS-ST ngày 20/12/2017 Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nợ vay và một phần yêu cầu khởi kiện đòi lãi suất của bà Phạm Thị G đối với bà Phạm Yến N.

2. Buộc bà Phạm Yến N phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị G số tiền gốc là 30.000.000 đồng và số tiền lãi là 6.897.500 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi buộc bà N phải trả cho bà G là 36.897.500 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí giám định, lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02 tháng 01 năm 2018, bà Phạm Yến N kháng cáo với nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu của bà Phạm Thị G về việc buộc bà Phạm Yến N phải trả số tiền vay là 46.800.000 đồng (trong đó tiền gốc là 30.000.000 đồng, lãi suất là 16.800.000 đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Yến N, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà G cho rằng bà có cho bà N vay 30.000.000 đồng, bà N hứa 1 tháng sẽ trả và bà G không tính lãi, nhưng bà N

không trả được và có thỏa thuận là yêu cầu bà G vay ở đâu rồi bà N sẽ trả. Nên bà G cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tiệm vàng Kim Nga để vay số tiền 60.000.000 đồng (trong đó phần của bà N là 30.000.00 đồng) và bà N có ký hợp đồng ngày 29/11/2015 âm lịch. Vào ngày 18/02/2016 âm lịch bà N có đóng lãi cho bà G 1.000.000 đồng và từ đó đến nay bà N không đóng lãi cũng không trả tiền gốc cho bà G.

Bà G yêu cầu bà N phải trả cho bà số tiền gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi 16.800.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của bà G về số tiền vốn và hủy một phần yêu cầu về lãi suất. Buộc bà N trả cho bà G số tiền gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi là 6.987.500 đồng.

Bà N không đồng ý nên kháng cáo với nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu của bà Phạm Thị G về việc buộc bà Phạm Yến N phải trả số tiền vay là 46.800.000 đồng (trong đó tiền gốc là 30.000.000 đồng, lãi suất là 16.800.000 đồng). Bà đồng ý trả số tiền còn nợ bà G là 5.000.000 đồng

Xét kháng cáo của bà Phạm Yến N, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ hợp đồng cho vay tiền ngày 29/11/2015 âm lịch thể hiện bà Phạm Yến N có vay của bà Phạm Thị G số tiền 30.000.000 đồng, trong hợp đồng bà N có ký và ghi rõ họ tên. Tuy nhiên, bà N cho rằng hiện nay bà chỉ còn nợ bà G 5.000.000 đồng và không thừa nhận chữ ký trong hợp đồng vay tiền là của bà. Còn ông Dương Văn T cho rằng việc vay tiền giữa bà G và bà N cụ thể như thế nào ông không biết, nhưng bà N đã trả cho bà G nhiều lần nên ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà G.

Xét thấy, bà N là người trực tiếp ký tên trong hợp đồng cho vay tiền ngày 29/11/2015, nhưng bà không thừa nhận chữ ký là của mình do đó bà G đã có đơn yêu cầu giám định chữ ký ngày 14/7/2017. Theo bản kết luận giám định số 3085/C54B ngày 23/10/2017 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh giám định “Hợp đồng cho vay tiền” ngày 29/11/2015 âm lịch kết luận: “Chữ ký, chữ viết họ tên Phạm Yến N dưới mục đại diện bên B trên Hợp đồng cho vay tiền đề ngày 29/11/2015 âm lịch so với các mẫu chữ ký đem so sánh là chữ ký, chữ viết của cùng một người”. Tại phiên tòa bà N cũng không đưa ra được chứng cứ gì thêm chứng minh cho việc vay nợ của mình. Do đó, không có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phạm Yến N.

Từ những nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Yến N giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 47/2017/DS-ST ngày 20/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Phú Q, tỉnh Kiên Giang.

- Về chi phí giám định: Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về chi phí giám định chữ ký.

- Án phí: Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Bà N phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng bà đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002843 ngày 08/01/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phú Q, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 305, 471, 474 và 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Phạm Yến N.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nợ vay và một phần yêu cầu khởi kiện đòi lãi suất của bà Phạm Thị G đối với bà Phạm Yến N.

- Buộc bà Phạm Yến N phải trả cho bà Phạm Thị G số tiền gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi là 6.897.500 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 36.897.500 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm trả số tiền nêu trên thì bị đơn còn phải trả nguyên đơn khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về chi phí giám định: Bà N phải chịu 10.200.000 đồng, số tiền này bà G đã nộp nên bà N phải có nghĩa vụ trả lại cho bà G.

Về án phí:

- **Án phí sơ thẩm:** Buộc bà Phạm Yến N phải chịu án phí có giá ngạch là 1.845.000 đồng (Một triệu tám trăm bốn mươi lăm ngàn đồng).

Buộc bà Phạm Thị G phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần tính lãi không được tòa án chấp nhận là 445.000 đồng. Bà G được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.170.000 đồng theo biên lai thu số 0006022 ngày 16/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P. Bà G được nhận lại số tiền 725.000 đồng.

- **Án phí phúc thẩm:** Bà N phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng bà đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002843 ngày 08/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện P;
- Chi cục THA dân sự huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VÕ MINH TRIỀU